

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ

(Kèm theo công văn số 011125A/Health ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Phòng khám đa khoa thuộc Công ty cổ phần Vigor Health)
(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Cắt da

Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty cổ phần Vigor Health

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				842,915
1.2	Chi phí nguyên vật liệu				397,574
	Bơm tiêm 5cc23G	Hộp	0.01	62,500	625
	Kim pha	Hộp	0.01	31,500	315
	urgo cuộn	Cuộn	0.40	21,000	8,400
	Povidine 10% 500ml	chai	0.10	71,647	7,165
	Nước muối 500ml	Chai	0.40	6,300	2,520
	Cồn tuyệt đối (Chai/1 lít)	Chai	0.50	55,000	27,500
	Gạc tiệt trùng 5x6.5	Gói	3.00	5,000	15,000
	Gạc tiệt trùng 10x10	Gói	1.00	9,590	9,590
	Găng tay tiệt trùng	Đôi	2.00	4,725	9,450
	Giấy lót 40 x 50	Xấp	0.02	34,000	680
	Bảng cá nhân	Hộp	0.05	20,000	1,000
	Săng mỏ	Cái	1.00	2,310	2,310
	Dụng dịch ngâm dụng cụ (Anios)	Can	0.10	1,400,000	140,000
	Cuộn xanh trải giường	Cuộn	0.03	141,750	4,253
	Túi hấp 190	Cái	5.00	5,000	25,000
	Chỉ khâu	Tép	1.00	80,000	80,000
	Dao mổ (1H/ 100 cái)	Cái	1.00	714	714
	Gạc Povidine	Hộp	0.20	85,050	17,010
	Gạc tẩm cồn (Alcohol Pads)	Hộp	0.05	17,850	893
	Tẩm trải Nylon tiêu phẫu	Miếng	1.00	36,750	36,750
	Băng gạc UrgoSterile	Miếng	1.00	8,400	8,400
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp				346,560
	CP lương bác sĩ, điều dưỡng	Giờ	-		346,560
1.3	Chi phí sản xuất chung:				98,781
a	Chi phí nhân viên phân xưởng				90,000
b	Chi phí vật liệu				8,781
	Khẩu trang y tế	Hộp	0.04	26,250	1,050
	Nón nữ (nón con số)	Bịch	0.01	73,500	735
	Găng tay	Hộp	0.04	76,650	3,066
	Dụng dịch sát khuẩn tay nhanh clincare	Chai	0.04	64,500	2,580
	Cồn 70 độ	Chai	0.05	27,000	1,350
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				0
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				0
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất :				842,915
2	Chi phí bán hàng				360,000
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				360,000
4	Chi phí tài chính				180,000
	Tổng giá thành toàn bộ				1,742,915
5	Lợi nhuận dự kiến				57,085
	Giá bán chưa thuế				1,800,000
	Giá bán (đã có thuế)				1,800,000

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

- Chi phí sản xuất
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Lợi nhuận dự kiến
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
- Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
- Giá bán (đã có thuế)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ(Kèm theo công văn số 011125A/ Health ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Phòng khám đa khoa thuộc Công ty cổ phần Vigor Health)
(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ: Tiểu phẫu bóc tách

Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty cổ phần Vigor Health

Quy cách phẩm chất, điều kiện bán hàng hoặc giao hàng: chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất				842,915
1.2	Chi phí nguyên vật liệu		-		397,574
	Bơm tiêm 5cc23G	Hộp	0.01	62,500	625
	Kìm pha	Hộp	0.01	31,500	315
	urgo cuộn	Cuộn	0.40	21,000	8,400
	Povidine 10% 500ml	chai	0.10	71,647	7,165
	Nước muối 500ml	Chai	0.40	6,300	2,520
	Cồn tuyệt đối (Chai/1 lit)	Chai	0.50	55,000	27,500
	Gạc tiết trùng 5x6.5	Gói	3.00	5,000	15,000
	Gạc tiết trùng 10x10	Gói	1.00	9,590	9,590
	Găng tay tiết trùng	Đôi	2.00	4,725	9,450
	Giấy lót 40 x 50	Xấp	0.02	34,000	680
	Băng cá nhân	Hộp	0.05	20,000	1,000
	Săng mổ	Cái	1.00	2,310	2,310
	Dung dịch ngâm dụng cụ (Anios)	Can	0.10	1,400,000	140,000
	Cuộn xanh trải giường	Cuộn	0.03	141,750	4,253
	Túi hấp 190	Cái	5.00	5,000	25,000
	Chỉ khâu	Tép	1.00	80,000	80,000
	Dao mổ (1H/ 100 cái)	Cái	1.00	714	714
	Gạc Povidine	Hộp	0.20	85,050	17,010
	Gạc tẩm cồn (Alcohol Pads)	Hộp	0.05	17,850	893
	Tẩm trải Nylon tiểu phẫu	Miếng	1.00	36,750	36,750
	Băng gạc UργοSterile	Miếng	1.00	8,400	8,400
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp		-		346,560
	CP lương bác sĩ, điều dưỡng	Giờ	-		346,560
1.3	Chi phí sản xuất chung:		-		98,781
a	Chi phí nhân viên phân xưởng		-		90,000
b	Chi phí vật liệu		-		8,781
	Khẩu trang y tế	Hộp	0.04	26,250	1,050
	Nón nữ (nón con sò)	Bịch	0.01	73,500	735
	Găng tay	Hộp	0.04	76,650	3,066
	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh clincare	Chai	0.04	64,500	2,580
	Cồn 70 độ	Chai	0.05	27,000	1,350
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				0
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				0
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất :				842,915
2	Chi phí bán hàng				360,000
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				360,000
4	Chi phí tài chính				180,000
	Tổng giá thành toàn bộ				1,742,915
5	Lợi nhuận dự kiến				57,085
	Giá bán chưa thuế				1,800,000
	Giá bán (đã có thuế)				1,800,000

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

- Chi phí sản xuất
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Lợi nhuận dự kiến
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
- Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
- Giá bán (đã có thuế)



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2025

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ**

(Kèm theo công văn số 011125A/Health ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Phòng khám Đa Khoa thuộc Công ty Cổ Phần Vigor Health)

(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Angiostrongylus cantonensis IgG (Elisa)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty Cổ Phần Vigor Health

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				145,094
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				-
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp		-		29,000
	CP nhân công lấy mẫu	Giờ	-		5,000
	Chi phí nhân viên trả kết quả	Giờ	-		2,400
	CP lương bác sĩ, điều dưỡng	Giờ	-		21,600
1.3	Chi phí sản xuất chung:		-		116,094
a	Chi phí nhân viên phân xưởng		-		
b	Chi phí vật liệu		-		4,094
	Băng cá nhân	Cái	1.0	200	200
	Bơm tiêm	Cái	1.0	705	705
	Bông tam cồn	Miếng	1.0	190	190
	Cồn	ml	5.0	55	275
	Găng tay	Cái	2.0	767	1,533
	Khẩu trang	Cái	0.02	525	11
	Ống Serrum	Ống	1.0	1,180	1,180
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				12,000
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				100,000
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất :				145,094
2	Chi phí bán hàng				24,000
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				48,000
4	Chi phí tài chính				12,000
	Tổng giá thành toàn bộ				229,094
5	Lợi nhuận dự kiến				10,907
	Giá bán chưa thuế				240,000
	Giá bán (đã có thuế)				240,000

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

- Chi phí sản xuất
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Lợi nhuận dự kiến
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
- Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
- Giá bán (đã có thuế)



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Angiostrongylus cantonensis IgM (Elisa)

Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty Cổ Phần Vigor Health

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				145,094
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				-
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp		-		29,000
	CP nhân công lấy mẫu	Giờ	-		5,000
	Chi phí nhân viên trả kết quả	Giờ	-		2,400
	CP lương bác sĩ, điều dưỡng	Giờ	-		21,600
1.3	Chi phí sản xuất chung:		-		116,094
a	Chi phí nhân viên phân xưởng		-		
b	Chi phí vật liệu		-		4,094
	Băng cá nhân	Cái	1.0	200	200
	Bơm tiêm	Cái	1.0	705	705
	Bông tam cồn	Miếng	1.0	190	190
	Cồn	ml	5.0	55	275
	Găng tay	Cái	2.0	767	1,533
	Khẩu trang	Cái	0.02	525	11
	Ống Serrum	Ống	1.0	1,180	1,180
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				12,000
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				100,000
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất :				145,094
2	Chi phí bán hàng				24,000
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				48,000
4	Chi phí tài chính				12,000
	Tổng giá thành toàn bộ				229,094
5	Lợi nhuận dự kiến				10,907
	Giá bán chưa thuế				240,000
	Giá bán (đã có thuế)				240,000

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

- Chi phí sản xuất
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Lợi nhuận dự kiến
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
- Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
- Giá bán (đã có thuế)

THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ

(Kèm theo công văn số 011125A/Health ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Phòng khám Đa Khoa thuộc Công ty Cổ Phần Vigor Health)

(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Echinococcus IgM (Hydatid) (Sán dải chó)

Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty Cổ Phần Vigor Health

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				145,094
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				-
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp		-		29,000
	CP nhân công lấy mẫu	Giờ	-		5,000
	Chi phí nhân viên trả kết quả	Giờ	-		2,400
	CP lương bác sĩ, điều dưỡng	Giờ	-		21,600
1.3	Chi phí sản xuất chung:		-		116,094
a	Chi phí nhân viên phân xưởng		-		
b	Chi phí vật liệu		-		4,094
	Băng cá nhân	Cái	1.0	200	200
	Bơm tiêm	Cái	1.0	705	705
	Bông tẩm cồn	Miếng	1.0	190	190
	Cồn	ml	5.0	55	275
	Găng tay	Cái	2.0	767	1,533
	Khẩu trang	Cái	0.02	525	11
	Ống Serrum	Ống	1.0	1,180	1,180
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				12,000
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				100,000
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất :				145,094
2	Chi phí bán hàng				24,000
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				48,000
4	Chi phí tài chính				12,000
	Tổng giá thành toàn bộ				229,094
5	Lợi nhuận dự kiến				10,907
	Giá bán chưa thuế				240,000
	Giá bán (đã có thuế)				240,000

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

- Chi phí sản xuất
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Lợi nhuận dự kiến
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
- Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
- Giá bán (đã có thuế)

THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ

(Kèm theo công văn số 011125A/ Health ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Phòng khám đa khoa thuộc Công ty cổ phần Vigor Health)
(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ: **Băng nẹp cố định xương đòn (bao gồm đai số 8)**

Đơn vị sản xuất kinh doanh: **Công ty cổ phần Vigor Health**

Quy cách phẩm chất, điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				441,621
1.2	Chi phí nguyên vật liệu		-		98,465
	Nước muối 500ml	Chai	0.10	6,300	630
	Cuộn xanh trải giường	Cuộn	0.02	141,750	2,835
	Đai số 8	Cái	1.00	73,500	73,500
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp		-		260,000
	CP lương bác sĩ, điều dưỡng	Giờ	-		260,000
1.3	Chi phí sản xuất chung:		-		83,156
a	Chi phí nhân viên phân xưởng		-		77,000
b	Chi phí vật liệu		-		6,156
	Khẩu trang y tế	Hộp	0.02	26,250	525
	Nón nữ (nón con sò)	Bịch	0.01	73,500	735
	Găng tay	Hộp	0.04	76,650	3,066
	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh clincare	Chai	0.02	64,500	1,290
	Cồn 70 độ	Chai	0.02	27,000	540
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				0
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				0
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất :				441,621
2	Chi phí bán hàng				165,000
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				330,000
4	Chi phí tài chính				110,000
	Tổng giá thành toàn bộ				1,046,621
5	Lợi nhuận dự kiến				53,379
	Giá bán chưa thuế				1,100,000
	Giá bán (đã có thuế)				1,100,000

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

- Chi phí sản xuất
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Lợi nhuận dự kiến
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
- Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
- Giá bán (đã có thuế)

THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ

(Kèm theo công văn số 011125A/ Health ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Phòng khám đa khoa thuộc Công ty cổ phần Vigor Health)
(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Băng nẹp cố định khớp khuỷu

Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty cổ phần Vigor Health

Quy cách phẩm chất: điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất				449,811
1.1	Chi phí nguyên vật liệu		-		108,465
	Nước muối 500ml	Chai	0.10	6,300	630
	Cuộn xanh trái giường	Cuộn	0.02	141,750	2,835
	Băng nẹp cố định	Cái	1.00	105,000	105,000
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp		-		258,190
	CP lương bác sĩ, điều dưỡng	Giờ	-		258,190
1.3	Chi phí sản xuất chung:		-		83,156
a	Chi phí nhân viên phân xưởng		-		77,000
b	Chi phí vật liệu		-		6,156
	Khẩu trang y tế	Hộp	0.02	26,250	525
	Nón nữ (nón con sò)	Bịch	0.01	73,500	735
	Găng tay	Hộp	0.04	76,650	3,066
	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh clincare	Chai	0.02	64,500	1,290
	Cồn 70 độ	Chai	0.02	27,000	540
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				0
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				0
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất :				449,811
2	Chi phí bán hàng				165,000
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				330,000
4	Chi phí tài chính				110,000
	Tổng giá thành toàn bộ				1,054,811
5	Lợi nhuận dự kiến				45,189
	Giá bán chưa thuế				1,100,000
	Giá bán (đã có thuế)				1,100,000

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

- Chi phí sản xuất
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Lợi nhuận dự kiến
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
- Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
- Giá bán (đã có thuế)

THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ

(Kèm theo công văn số 011125A/ Health ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Phòng khám đa khoa thuộc Công ty cổ phần Vigor Health)
(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ: Siêu âm động mạch chủ bụng

Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty cổ phần Vigor Health

Quy cách phẩm chất, điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				188,083
1.2	Chi phí nguyên vật liệu		-		4,460
	Giấy lót 40 x 50	Xấp	0.02	34,000	680
	Gel siêu âm	Can	0.01	94,500	945
	Cuộn xanh trải giường	Cuộn	0.02	141,750	2,835
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp		-		119,000
	CP lương bác sĩ, điều dưỡng	Giờ	-		119,000
1.3	Chi phí sản xuất chung:		-		64,623
a	Chi phí nhân viên phân xưởng		-		46,000
b	Chi phí vật liệu		-		4,623
	Khẩu trang y tế	Hộp	0.02	26,250	525
	Nón nữ (nón con sò)	Bịch	0.01	73,500	735
	Găng tay	Hộp	0.02	76,650	1,533
	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh clincare	Chai	0.02	64,500	1,290
	Cồn 70 độ	Chai	0.02	27,000	540
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				14,000
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				0
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất :				188,083
2	Chi phí bán hàng				69,000
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				138,000
4	Chi phí tài chính				46,000
	Tổng giá thành toàn bộ				441,083
5	Lợi nhuận dự kiến				18,917
	Giá bán chưa thuế				460,000
	Giá bán (đã có thuế)				460,000

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

- Chi phí sản xuất
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Lợi nhuận dự kiến
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
- Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
- Giá bán (đã có thuế)

THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ

Kèm theo công văn số 011125A/ Health ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Phòng khám đa khoa thuộc Công ty cổ phần Vigor Health)
(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Siêu âm động mạch cảnh - đốt sống

Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty cổ phần Vigor Health

Quy cách phẩm chất: điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
1.1	Chi phí sản xuất:				188,083
1.2	Chi phí nguyên vật liệu		-		4,460
	Giấy lót 40 x 50	Xấp	0.02	34,000	680
	Gel siêu âm	Can	0.01	94,500	945
	Cuộn xanh trái giường	Cuộn	0.02	141,750	2,835
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp		-		119,000
	CP lương bác sĩ, điều dưỡng	Giờ	-		119,000
1.3	Chi phí sản xuất chung:		-		64,623
a	Chi phí nhân viên phân xưởng		-		46,000
b	Chi phí vật liệu		-		4,623
	Khẩu trang y tế	Hộp	0.02	26,250	525
	Nón nữ (nón con sò)	Bịch	0.01	73,500	735
	Găng tay	Hộp	0.02	76,650	1,533
	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh clincare	Chai	0.02	64,500	1,290
	Cồn 70 độ	Chai	0.02	27,000	540
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				14,000
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				0
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất :				188,083
2	Chi phí bán hàng				69,000
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				138,000
4	Chi phí tài chính				46,000
	Tổng giá thành toàn bộ				441,083
5	Lợi nhuận dự kiến				18,917
	Giá bán chưa thuế				460,000
	Giá bán (đã có thuế)				460,000

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

- Chi phí sản xuất
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Lợi nhuận dự kiến
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
- Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
- Giá bán (đã có thuế)

THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ

(Kèm theo công văn số 011/25A/Health ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Phòng khám đa khoa thuộc Công ty cổ phần Vigor Health)
(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Siêu âm hệ niệu

Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty cổ phần Vigor Health

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				125,083
1.2	Chi phí nguyên vật liệu		-		4,460
	Giấy lót 40 x 50	Xấp	0.02	34,000	680
	Gel siêu âm	Can	0.01	94,500	945
	Cuộn xanh trái giường	Cuộn	0.02	141,750	2,835
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp		-		72,000
	CP lương bác sĩ, điều dưỡng	Giờ	-		72,000
1.3	Chi phí sản xuất chung:		-		48,623
a	Chi phí nhân viên phân xưởng		-		30,000
b	Chi phí vật liệu		-		4,623
	Khẩu trang y tế	Hộp	0.02	26,250	525
	Nón nữ (nón con sò)	Bịch	0.01	73,500	735
	Găng tay	Hộp	0.02	76,650	1,533
	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh clincare	Chai	0.02	64,500	1,290
	Cồn 70 độ	Chai	0.02	27,000	540
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				14,000
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				0
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất :				125,083
2	Chi phí bán hàng				45,000
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				90,000
4	Chi phí tài chính				30,000
	Tổng giá thành toàn bộ				290,083
5	Lợi nhuận dự kiến				9,917
	Giá bán chưa thuế				300,000
	Giá bán (đã có thuế)				300,000

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

- Chi phí sản xuất
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Lợi nhuận dự kiến
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
- Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
- Giá bán (đã có thuế)

THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ

(Kèm theo công văn số 011125A/ Health ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Phòng khám đa khoa thuộc Công ty cổ phần Vigor Health)
(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Siêu âm mạch máu tạng - ổ bụng

Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty cổ phần Vigor Health

Quy cách phẩm chất, điều kiện bán hàng hoặc giao hàng, chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				266,083
1.2	Chi phí nguyên vật liệu		-		4,460
	Giấy lót 40 x 50	Xấp	0.02	34,000	680
	Gel siêu âm	Can	0.01	94,500	945
	Cuộn xanh trái giường	Cuộn	0.02	141,750	2,835
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp		-		179,000
	CP lương bác sĩ, điều dưỡng	Giờ	-		179,000
1.3	Chi phí sản xuất chung:		-		82,623
a	Chi phí nhân viên phân xưởng		-		64,000
b	Chi phí vật liệu		-		4,623
	Khẩu trang y tế	Hộp	0.02	26,250	525
	Nón nữ (nón con sò)	Bịch	0.01	73,500	735
	Găng tay	Hộp	0.02	76,650	1,533
	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh clincare	Chai	0.02	64,500	1,290
	Cồn 70 độ	Chai	0.02	27,000	540
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				14,000
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				0
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất :				266,083
2	Chi phí bán hàng				96,000
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				192,000
4	Chi phí tài chính				64,000
	Tổng giá thành toàn bộ				618,083
5	Lợi nhuận dự kiến				21,917
	Giá bán chưa thuế				640,000
	Giá bán (đã có thuế)				640,000

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

- Chi phí sản xuất
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Lợi nhuận dự kiến
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
- Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
- Giá bán (đã có thuế)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ(Kèm theo công văn số 011125A/ Health ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Phòng khám đa khoa thuộc Công ty cổ phần Vigor Health)
(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Tiêm khớp/1 vị trí (bao gồm thuốc)

Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty cổ phần Vigor Health

Quy cách phẩm chất, điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				481,057
1.2	Chi phí nguyên vật liệu				117,901
	Bơm tiêm 5cc23G	Hộp	0.01	62,500	625
	Kim pha	Hộp	0.01	31,500	315
	Povidine 10% 500ml	chai	0.04	71,647	2,866
	Nước muối 500ml	Chai	0.20	6,300	1,260
	Gạc tiệt trùng 5x6.5	Gói	1.00	5,000	5,000
	Cuộn xanh trải giường	Cuộn	0.02	141,750	2,835
	Túi hấp 190	Cái	2.00	5,000	10,000
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp				276,000
	CP lương bác sĩ, điều dưỡng	Giờ	-		276,000
1.3	Chi phí sản xuất chung:				87,156
a	Chi phí nhân viên phân xưởng		-		81,000
b	Chi phí vật liệu		-		6,156
	Khẩu trang y tế	Hộp	0.02	26,250	525
	Nón nữ (nón con sò)	Bịch	0.01	73,500	735
	Găng tay	Hộp	0.04	76,650	3,066
	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh clincare	Chai	0.02	64,500	1,290
	Cồn 70 độ	Chai	0.02	27,000	540
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				0
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				0
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất :				481,057
2	Chi phí bán hàng				180,000
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				360,000
4	Chi phí tài chính				120,000
	Tổng giá thành toàn bộ				1,141,057
5	Lợi nhuận dự kiến				58,943
	Giá bán chưa thuế				1,200,000
	Giá bán (đã có thuế)				1,200,000

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

- Chi phí sản xuất
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Lợi nhuận dự kiến
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
- Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
- Giá bán (đã có thuế)

THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ

(Kèm theo công văn số 011125A/Health ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Phòng khám Đa Khoa thuộc Công ty Cổ Phần Vigor Health)

(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Test ma túy 5 thành phần

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty Cổ Phần Vigor Health

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				140,751
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				42,000
	Ma túy 5 thành phần	Test	1	42,000	42,000
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp		-		61,000
	CP nhân công lấy mẫu	Giờ	-		5,000
	Chi phí nhân viên trả kết quả	Giờ	-		5,600
	CP lương bác sĩ, điều dưỡng	Giờ	-		50,400
1.3	Chi phí sản xuất chung:		-		37,751
a	Chi phí nhân viên phân xưởng		-		
b	Chi phí vật liệu		-		2,751
	Găng tay	Cái	2.0	767	1,533
	Khẩu trang	Cái	0.02	525	11
	Lọ nước tiểu	lọ	1.0	1,208	1,208
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				35,000
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				-
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất :				140,751
2	Chi phí bán hàng				84,000
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				252,000
4	Chi phí tài chính				67,000
	Tổng giá thành toàn bộ				543,751
5	Lợi nhuận dự kiến				16,249
	Giá bán chưa thuế				560,000
	Giá bán (đã có thuế)				560,000

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

- Chi phí sản xuất
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Lợi nhuận dự kiến
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
- Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
- Giá bán (đã có thuế)



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ

(Kèm theo công văn số 041/25A/Health ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Phòng khám Đa Khoa thuộc Công ty Cổ Phần Vigor Health)

(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

HPV PCR

Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty Cổ Phần Vigor Health

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				230,394
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				-
	Ma túy 5 thành phần	Test	-	42,000	-
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp		-		47,400
	CP nhân công lấy mẫu	Giờ	-		5,000
	Chi phí nhân viên trả kết quả	Giờ	-		4,240
	CP lương bác sĩ, điều dưỡng	Giờ	-		38,160
1.3	Chi phí sản xuất chung:		-		182,994
a	Chi phí nhân viên phân xưởng		-		
b	Chi phí vật liệu		-		2,994
	Găng tay	Cái	2.0	767	1,533
	Khẩu trang	Cái	0.02	525	11
	Lọ nước tiểu	lọ	-	1,208	-
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				15,000
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				165,000
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất :				230,394
2	Chi phí bán hàng				42,400
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				106,000
4	Chi phí tài chính				34,000
	Tổng giá thành toàn bộ				412,794
5	Lợi nhuận dự kiến				11,207
	Giá bán chưa thuế				424,000
	Giá bán (đã có thuế)				424,000

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

- Chi phí sản xuất
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Lợi nhuận dự kiến
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
- Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
- Giá bán (đã có thuế)



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ

(Kèm theo công văn số 01/1125A/Health ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Phòng khám Đa Khoa thuộc Công ty Cổ Phần Vigor Health)

(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Lipid 6 panel

Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty Cổ Phần Vigor Health

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				130,069
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				50,976
	Acid Probe Wash (R1 + R2) (Alinity c-series)	ml	0.005	165	1
	Acid Wash (Alinity c-series)	ml	0.06	2,020	116
	Alinity c Direct LDL Reagent Kit	Test	1	19,584	19,584
	Alkaline Wash (Alinity c-series)	ml	0.06	2,020	112
	Cholesterol (Abbott-3032 test)	Test	1	2,313	2,313
	Detergent A (Alinity c-series)	ml	0.01	4,890	53
	Detergent B (Alinity c-series)	Test	0.004	2,084	9
	TP Multichem S Plus Level 1	Test	2	1,820	3,641
	TP Multichem S Plus Level 2	Test	2	1,820	3,641
	TP Multichem S Plus Level 3	ml	2	1,820	3,641
	Triglyceride (Abbott-3032 test)	Test	2	4,233	8,466
	Ultra HDL Reagent Kit (R1+R2) (Alinity c-series)	Test	1	9,398	9,398
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp		-		45,000
	CP nhân công lấy mẫu	Giờ	-		5,000
	Chi phí nhân viên trả kết quả	Giờ	-		4,000
	CP lương bác sĩ, điều dưỡng	Giờ	-		36,000
1.3	Chi phí sản xuất chung:		-		34,094
a	Chi phí nhân viên phân xưởng		-		
b	Chi phí vật liệu		-		4,094
	Bảng cá nhân	Cái	1	200	200
	Bơm tiêm	Cái	1	705	705
	Bông tăm cotton	Miếng	1	190	190
	Cồn	ml	5	55	275
	Găng tay	Cái	2	767	1,533
	Khẩu trang	Cái	0.02	525	11
	Ổng Serrum	Ổng	1	1,180	1,180
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				30,000
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				-
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất :				130,069
2	Chi phí bán hàng				60,000
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				140,000
4	Chi phí tài chính				60,000
	Tổng giá thành toàn bộ				390,069
5	Lợi nhuận dự kiến				9,931
	Giá bán chưa thuế				400,000
	Giá bán (đã có thuế)				400,000

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

- Chi phí sản xuất
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Lợi nhuận dự kiến
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
- Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
- Giá bán (đã có thuế)



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ

(Bem theo công văn số 125A/Health ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Phòng khám Đa Khoa thuộc Công ty Cổ Phần Vigor Health)

(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Neuron Specific Enolase (NSE)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty Cổ Phần Vigor Health

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				275,694
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				-
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp		-		46,600
	CP nhân công lấy mẫu	Giờ	-		5,000
	Chi phí nhân viên trả kết quả	Giờ	-		4,160
	CP lương bác sĩ, điều dưỡng	Giờ	-		37,440
1.3	Chi phí sản xuất chung:		-		229,094
a	Chi phí nhân viên phân xưởng		-		
b	Chi phí vật liệu		-		4,094
	Bảng cá nhân	Cái	1	200	200
	Bơm tiêm	Cái	1	705	705
	Bông tẩm cồn	Miếng	1	190	190
	Cồn	ml	5	55	275
	Găng tay	Cái	2	767	1,533
	Khẩu trang	Cái	0.02	525	11
	Ống Serrum	Ống	1	1,180	1,180
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				15,000
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				210,000
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất :				275,694
2	Chi phí bán hàng				20,800
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				83,000
4	Chi phí tài chính				21,000
	Tổng giá thành toàn bộ				400,494
5	Lợi nhuận dự kiến				15,507
	Giá bán chưa thuế				416,000
	Giá bán (đã có thuế)				416,000

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

- Chi phí sản xuất
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Lợi nhuận dự kiến
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
- Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
- Giá bán (đã có thuế)